TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 12-01-2018.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Tất Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Mỹ;
2. Bà Đoàn Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 349/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Danh Thị Ngọc L, sinh năm: 1973**. (có mặt)
Địa chỉ: Số 75 đường D, khu phố K, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Ông Kha Hửu T1, sinh năm: 1973**. (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 75 đường D, khu phố K, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2017 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn – bà Danh Thị Ngọc L trình bày:** Bà L và chồng là Kha Hửu T tự quen biết và tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang ngày 25/9/2001. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng tháng 01/2015 thì xảy ra mâu thuẫn, tình trạng căng thẳng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên bà L và ông T đã chính thức ly thân từ tháng 01 năm 2017 đến nay. Thấy sống chung không hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên bà L yêu cầu ly hôn.

Lý do xin ly hôn: Bà L cho rằng quá trình chung sống tính tình vợ chồng không hợp nhau, ông T thường gây chuyện vô cớ để đánh đập bà L. Ngoài ra, không còn nguyên nhân nào khác.

Về con chung. Bà Danh Thị Ngọc L xác nhận có ba người con chung, cụ thể:

- Kha Hửu T2, sinh ngày 21/5/1995 đã trưởng thành;
- Kha Ngọc Lan H, sinh ngày: 26/7/2003 đang sống tại số nhà 75 đường D cùng với ông T1;
- Kha Ngọc Hương V, sinh ngày: 17/8/2012, hiện nay bà L đang trực tiếp chăm sóc.

Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kha Ngọc Hương V và giao cháu Kha Ngọc Lan H cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác nhận tự thỏa thuận tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Danh Thị Ngọc L cam đoan đã trình bày đúng sự thật.

*** Bị đơn – ông Kha Hửu T1:** Tòa án đã triệu tập ông Kha Hửu T1 nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hôn nhân và gia đình, ông T1 đã trực tiếp nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn cố tình không đến nên Tòa án tiến hành mở phiên Tòa xét xử theo quy định pháp luật.

*** Tại phiên tòa**:

Nguyên đơn – bà Danh Thị Ngọc L xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với ông Kha Hửu T1, yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Hương V, giao cháu Lan H cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, và tự nguyện không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận tự thỏa thuận tài sản chung và cam kết khôn có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn – ông Kha Hửu T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử, ông T1 đã trực tiếp nhận văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của ông T1 là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Danh Thị Ngọc L và ông Kha Hửu T1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND phường T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/9/2001 nên đây là hôn

nhân hợp pháp. Bà L khởi kiện cho rằng quá trình chung sống vợ chồng tính tình hai bên không hợp nhau, ông T1 thường gây chuyện vô cớ đánh đập bà L. Bà L và ông T1 cũng đã ly thân từ tháng 01 năm 2017 đến nay.

Đối với bị đơn – ông Kha Hửu T1: Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định pháp luật và ông T1 cũng đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến xác nhận hay phản đối nào đối với các yêu cầu theo đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Danh Thị Ngọc L tại Toà án cũng như chứng cứ do bà L cung cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, tại phiên tòa xét xử bà L cũng khẳng định không thể tiếp tục chung sống với ông T1, xác nhận tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, do đó sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà Lan về việc xin ly hôn.

[3] Về con chung

Bà L xác nhận có ba người con chung gồm:

- Kha Hửu T1, sinh ngày 21/5/1995 đã trưởng thành;

- Kha Ngọc Lan H, sinh ngày: 26/7/2003 đang sống tại số nhà 75 đường D cùng với ông T1;

- Kha Ngọc Hương V, sinh ngày: 17/8/2012, hiện nay bà L đang trực tiếp chăm sóc.

Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kha Ngọc Hương V và giao cháu Kha Ngọc Lan H cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời tại bản tự khai đề ngày 02/11/2017, cháu Kha Ngọc Lan H cũng thể hiện nguyện vọng muốn được sống cùng cha là ông Kha Hửu T1. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần và bảo vệ quyền lợi cho trẻ em, nên căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà Danh Thị Ngọc L về việc nuôi dưỡng con chung; đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác nhận tự thỏa thuận tài sản chung, và cam kết hiện nay không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nguyên đơn

– bà Danh Thị Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 89, Điều 91, Điều 92 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Danh Thị Ngọc L đối với ông Kha Hửu T1.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Danh Thị Ngọc L được ly hôn với ông Kha Hửu T1.

2. Về con chung

Giao người con chung tên Kha Ngọc Lan H, sinh ngày: 26/7/2003 cho ông Kha Hữu T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao người con chung tên Kha Ngọc Hương V, sinh ngày: 17/8/2012 cho bà Danh Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Nếu trong quá trình nuôi dưỡng con chung về sau bà L hoặc ông T1 gặp khó khăn thì có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật tại Tòa án.

Bà Danh Thị Ngọc L, ông Kha Hửu T1 có quyền trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác nhận tự thỏa thuận tài sản chung, và cam kết hiện nay không nợ ai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau này ông Tâm hoặc bà L có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Danh Thị Ngọc L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009379 ngày 14/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, như vậy bà Danh Thị Ngọc L không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp.Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự tp.Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Tất Ngọc Trân